

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế: 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		402.085.279.278	360.341.724.633
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	165.025.053.750	162.134.598.922
1.Tiền	111		31.875.053.750	27.994.598.922
2.Các khoản tương đương tiền	112		133.150.000.000	134.140.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	68.000.000.000	30.000.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		68.000.000.000	30.000.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.622.353.932	155.128.809.152
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133.807.650.426	109.360.755.496
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.180.101.130	37.425.106.488
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.873.596.258	11.708.160.044
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(4.238.993.882)	(3.365.212.876)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		3.723.551.855	2.461.050.624
1.Hàng tồn kho	141	V.7	3.723.551.855	2.461.050.624
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		11.714.319.741	10.617.265.935
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	11.355.167.162	10.104.875.772
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		346.494.938	499.732.522
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.657.641	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		250.233.372.313	265.989.802.621
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		13.510.512.000	-
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212		13.510.512.000	-
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		203.297.277.377	245.549.272.583
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	199.287.170.460	240.306.439.666
- Nguyên giá	222		687.488.235.097	664.414.081.877
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(488.201.064.637)	(424.107.642.211)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.010.106.917	5.242.832.917
- Nguyên giá	228		9.997.110.930	9.315.401.930
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.987.004.013)	(4.072.569.013)
III.Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.Tài sản dở dang dài hạn	240		27.406.056.834	14.137.222.772
1.Chỉ phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.Chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	27.406.056.834	14.137.222.772
V.Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.Đầu tư vào công ty con	251			
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI.Tài sản dài hạn khác			6.019.526.102	6.303.307.266
1.Chỉ phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.353.142.036	5.400.057.568
2.Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	666.384.066	903.249.698
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		652.318.651.591	626.331.527.254
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		295.423.454.948	266.892.225.890
I.Nợ ngắn hạn	310		211.938.740.780	167.919.273.716
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	85.378.620.860	58.902.793.307
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.150.000	224.807.677
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.241.340.954	9.658.788.340
4.Phải trả người lao động	314		41.658.197.018	36.021.959.857
5.Chỉ phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.016.657.965	4.883.929.868
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	12.481.200.179	12.226.698.958
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	28.926.800.008	35.442.370.368
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	30.184.773.796	10.557.925.341

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/1/2020
1	2	3	5	5
13.Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.Nợ dài hạn	330		83.484.714.168	98.972.952.174
1.Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.864.612.981	8.621.612.981
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	74.620.101.187	90.351.339.193
9.Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		356.895.196.643	359.439.301.364
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.19	356.895.196.643	359.439.301.364
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	149.982.580.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		41.417.969.445	53.789.799.813
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.934.058.098	127.806.161.695
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.718.072.413	127.806.161.695
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.215.985.685	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.632.969.100	27.860.759.856
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		652.318.651.591	626.331.527.254

Người lập biểu


Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 30 tháng 01 năm 2021

Giám đốc


Trần Quang Thảo

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quý 4 Năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2020	Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
I	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	203.803.017.731	189.776.936.963	768.721.495.771	701.656.997.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		203.803.017.731	189.776.936.963	768.721.495.771	701.656.997.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	156.664.853.152	140.198.555.112	601.215.883.344	548.740.483.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		47.138.164.579	49.578.381.851	167.505.612.427	152.916.514.635
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.729.209.300	3.265.556.969	8.458.354.647	7.898.551.789
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.592.822.469	2.125.527.920	7.429.919.079	9.646.779.697
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		1.582.474.603	2.115.543.095	7.311.698.050	9.616.849.076
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				670.409.168		702.326.292
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.719.271.976	5.354.663.922	10.641.387.969	8.912.029.357
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.911.997.132	21.205.320.893	57.627.283.246	54.609.373.735
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		19.643.282.302	24.828.835.253	100.265.376.780	88.349.209.927
12. Thu nhập khác	31	VI.7	201.469.974	124.563.070	659.883.455	1.969.378.786
13. Chi phí khác	32	VI.8	562.175.831	583.433.122	1.732.587.490	1.611.226.278
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(360.705.857)	(458.870.052)	(1.072.704.035)	358.152.508
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 + 40)	50		19.282.576.445	24.369.965.201	99.192.672.745	88.707.362.435

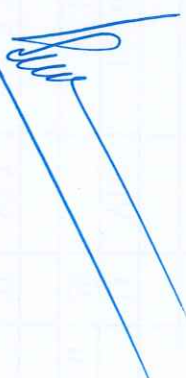
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2020	Quý 4/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3				
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.956.919.688	6.413.989.337	20.896.064.346	19.949.067.870
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	61.873.474	581.730.629	236.865.632	165.453.257
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :	60		14.263.783.283	17.374.245.235	78.059.742.767	68.592.841.308
60 = 50 - 51 - 52)						
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		12.889.270.362	16.533.681.715	72.542.078.737	65.260.207.279
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.374.512.921	840.563.519	5.517.664.030	3.332.634.029
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	250	434	2.537	1.693
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	250	434	2.537	1.693

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 30 tháng 01 năm 2021

Giám đốc





Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã Số Thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	99.192.672.745	88.707.362.435
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	66.207.171.022	73.719.530.159
-	Các khoản dự phòng	03	873.781.006	1.681.342.073
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	9.010.662	7.968.592
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.370.511.260)	(8.859.754.065)
-	Chi phí lãi vay	06	7.311.698.050	9.616.849.076
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	165.223.822.225	164.873.298.270
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.395.137.217)	(25.605.719.271)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.262.501.231)	97.345.571
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.081.360.944	47.592.568.169
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.203.375.858)	271.545.670
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(7.331.060.411)	(9.649.753.078)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.585.598.734)	(18.915.496.618)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	201.000.000	158.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.058.599.886)	(19.185.995.687)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	129.669.909.832	139.635.793.026
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(35.072.800.823)	(22.334.900.500)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	27.829.034	2.192.761.078
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(68.000.000.000)	(30.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.020.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.409.657.572	7.183.726.914
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(64.635.314.217)	(46.978.412.508)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

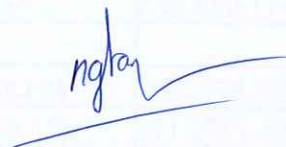
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu,	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.796.938.373	18.307.923.993
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.043.746.739)	(58.830.679.686)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.886.534.600)	(32.546.516.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.133.342.966)	(73.069.271.693)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.901.252.649	19.588.108.825
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	162.134.598.922	142.552.118.272
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.797.821)	(5.628.175)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	165.025.053.750	162.134.598.922


Ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có 646 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 646 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty và công ty con chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và công ty con là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và công ty con hiện sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	232.097.433	2.219.734.696
Tiền gửi ngân hàng	31.642.956.317	25.774.864.226
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	133.150.000.000	134.140.000.000
Cộng	165.025.053.750	162.134.598.922

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	71.227.382.672	48.167.760.670
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	60.175.919.797	41.106.071.270
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	617.663.420	258.516.050
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	209.199.000	2.365.550.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	219.367.455	37.481.250
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		990.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	9.809.693.000	4.335.132.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	-	64.020.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	195.540.000	77.110.000
Phải thu các khách hàng khác	62.580.267.754	61.115.884.826
Cộng	133.807.650.426	109.360.755.496

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hiệp Lực	6.755.256.000	27.021.024.000
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	2.393.000.000	9.572.000.000
Công ty Cổ phần Unico Vina	2.997.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.034.845.130	832.082.488
Cộng	15.180.101.130	37.425.106.488

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	668.054.976	-	685.012.600	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	606.957.976	-	638.860.600	-
Các khoản chi hộ:	61.097.000	-	46.152.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	<i>20.857.000</i>	<i>-</i>	<i>18.857.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Cảng Cát Lái</i>	<i>40.240.000</i>	<i>-</i>	<i>27.295.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.205.541.282	-	11.023.147.444	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.270.904.112	-	1.337.879.458	-
Ký cược, ký quỹ	641.400.000	-	445.300.000	-
Tạm ứng	4.562.304.436	-	7.101.815.803	-
Các khoản chi hộ	1.283.951.430	-	1.303.642.335	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	446.981.304	-	834.509.848	-
Cộng	8.873.596.258	-	11.708.160.044	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Nợ xấu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hơn nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trên 3 năm	70.620.000	(70.620.000)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	70.620.000	(42.372.000)
Công ty Cổ phần Saigon Traco	Trên 3 năm			Trên 3 năm		
Công ty Cổ phần Xây dựng TM và Kinh doanh Vận tải VITRANSCO	Trên 3 năm	19.000.000	(19.000.000)	Trên 3 năm	19.000.000	(11.400.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Đại Phát	Trên 3 năm	73.078.500	(73.078.500)	Trên 3 năm	73.078.500	(73.078.500)
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Trên 3 năm	70.015.478	(70.015.478)			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Cảng Cội	Trên 3 năm	116.032.000	(116.032.000)	Trên 3 năm	116.032.000	(116.032.000)
		4.898.898.982	(4.238.993.882)		5.501.287.653	(3.365.212.876)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.365.212.876	1.567.838.803
Trích lập dự phòng bổ sung	873.781.006	1.797.374.073
Số cuối năm	4.238.993.882	3.365.212.876

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.723.551.855	-	2.461.050.624	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.587.728.086	936.832.990
Chi phí sửa chữa	2.018.100.336	1.556.568.790
Chi phí bảo hiểm	4.677.349.000	4.637.019.721
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.071.989.740	2.974.454.271
Cộng	11.355.167.162	10.104.875.772

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.716.435.180	2.709.842.072
Chi phí sửa chữa	3.369.869.828	1.573.534.103
Các chi phí trả trước dài hạn khác	266.837.028	1.116.681.393
Cộng	5.353.142.036	5.400.057.568

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác
Nguyên giá					
Số đầu năm	138.009.475.511	256.827.160.350	217.341.561.869	4.808.658.470	47.427.225.677
Mua trong năm	-	1.581.949.000	18.552.581.816	176.890.000	246.260.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	2.715.786.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(199.313.596)	-	(199.313.596)
Số cuối năm	138.009.475.511	258.409.109.350	235.694.830.089	4.985.548.470	50.389.271.677
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.442.293.635	98.613.478.901	44.688.366.447	4.632.113.015	6.645.359.536
Chờ thanh lý					160.721.146.806
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	60.856.967.800	169.043.532.351	154.155.355.738	4.738.788.373	35.312.997.949
Khấu hao trong năm	10.136.557.645	19.101.026.990	29.253.212.046	55.035.151	5.746.904.190
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(199.313.596)	-	(199.313.596)
Số cuối năm	70.993.525.445	188.144.559.341	183.209.254.188	4.793.823.524	41.059.902.139
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	77.152.507.711	87.783.627.999	63.186.206.131	69.870.097	12.114.227.728
Số cuối năm	67.015.950.066	70.264.550.009	52.485.575.901	191.724.946	9.329.369.538
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 156.210.925.819 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	9.315.401.930	4.072.569.013	5.242.832.917
Mua trong năm	681.709.000	-	681.709.000
Khấu hao trong năm	-	1.914.435.000	(1.914.435.000)
Số cuối năm	9.997.110.930	5.987.004.013	4.010.106.917

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	10.799.558.727	9.768.809.089	(20.568.367.816)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	3.337.664.045	24.286.435.078	-	(218.042.289)	27.406.056.834
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.398.465.181		-	(218.042.289)	2.180.422.892
Công trình kho 6 ⁽ⁱ⁾	939.198.864	24.286.435.078	-	-	25.225.633.942
Cộng	14.137.222.772	34.055.244.167	(20.568.367.816)	(218.042.289)	27.406.056.834

(*) Điều chỉnh phần thuế VAT phí tư vấn và khung kèo trục 17 kho 2 tầng giai đoạn 1 chưa được khấu trừ.

(i) Giá trị công trình nhà kho 6 được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. (xem thuyết minh V.17b)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	903.249.698	1.068.702.955
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(236.865.632)	(165.453.257)
Phát sinh trong năm	666.384.066	903.249.698
Hoàn nhập trong năm	(903.249.698)	(1.068.702.955)
Số cuối năm	666.384.066	903.249.698

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	42.077.176.975	16.235.635.864
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	31.508.619.772	9.772.288.392
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.503.410.767	1.908.705.366
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.396.182.018	1.068.069.210
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	123.990.000	76.250.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	48.159.936	56.868.669
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	325.219.950	262.409.400
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.366.670.600	1.086.160.350
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	-	719.681.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	70.456.100	56.222.100
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	272.789.000	121.730.950
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	-	2.310.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	602.265.000	604.065.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	7.749.500	22.608.300
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	-	478.266.477
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	561.574.619	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	285.445.713	
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	4.644.000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	43.301.443.885	42.667.157.443
Cộng	85.378.620.860	58.902.793.307

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.535.742.140	-	35.882.830.495	(36.215.179.063)	2.203.393.572	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.258.340.521	-	20.896.064.346	(19.585.598.734)	5.568.806.133	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	1.749.574.289	-	628.127.838	(1.911.895.976)	465.806.151	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.058.886.616	-	5.930.892.285	(5.986.443.803)	1.003.335.098	-
Các loại thuế khác	56.244.774	-	8.000.000	(64.244.774)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	34.105.505	(34.105.505)	-	12.657.641
Cộng	9.658.788.340	12.657.641	63.380.020.469	(63.797.467.855)	9.241.340.954	12.657.641

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Các công ty con được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.059.644.719	2.258.626.928
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	2.002.045.501	2.258.626.928
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	57.599.218	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.957.013.246	2.625.302.940
Chi phí lãi vay phải trả	77.904.880	97.267.241

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	584.499.877	253.801.876
Chi phí cho người lao động	773.035.840	1.010.826.402
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	521.572.649	1.263.407.421
Cộng	4.016.657.965	4.883.929.868

16. Phải trả ngắn hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.251.349.218	3.597.455.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.858.499.576	3.513.010.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - Phải trả về thu chi hộ	139.255.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu hộ	229.982.642	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Phải trả về thu chi hộ	23.612.000	84.445.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	8.229.850.961	8.629.243.458
Kinh phí công đoàn	1.004.330.500	1.072.581.317
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.630.339.229	1.680.298.059
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.584.375.102	1.752.900.991
Cổ tức phải trả	2.028.180.350	1.932.674.950
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.982.625.780	2.190.788.141
Cộng	12.481.200.179	12.226.698.958

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	243.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	243.000.000	-
Cộng	8.864.612.981	8.621.612.981

(*) Là khoản hợp tác đầu tư Công ty con phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	4.989.639.287
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	-	4.989.639.287
Vay dài hạn đến hạn trả	28.926.800.008	30.452.731.081
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (Xem thuyết minh V.17b)	28.926.800.008	29.756.731.081
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	-	696.000.000
Cộng	28.926.800.008	35.442.370.368

- (i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 15828.19.151.687490.TD ngày 16 tháng 5 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa và bốc dỡ, nâng hạ, vệ sinh Container của khách hàng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02 tháng 5 năm 2020, số tiền vay được hoàn trả theo quy định tại văn bản nhận nợ.

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	4.989.639.287	30.452.731.081	35.442.370.368
Số tiền vay phát sinh	7.176.001.373	-	7.176.001.373
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	28.926.800.008	28.926.800.008
Số tiền vay đã trả	(12.165.640.660)	(30.452.731.081)	(42.618.371.741)
Số cuối năm	-	28.926.800.008	28.926.800.008

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	66.643.164.187	90.351.339.193
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	7.976.937.000	-
Cộng	74.620.101.187	90.351.339.193

- (i) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 11 năm 2010 và các phụ lục kèm theo ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực theo các hợp đồng ký kết tháng 12 năm 2019 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất các khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- (ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: các hợp đồng tiền gửi/sổ tiết kiệm tại HD Bank; Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty CP Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các PL kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty CP Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	28.926.800.008	35.442.370.368
Trên 1 năm đến 5 năm	71.201.413.905	82.276.675.349
Trên 5 năm	3.418.687.282	8.074.663.844
Cộng	103.546.901.195	125.793.709.561

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	90.351.339.193	124.082.110.634
Số tiền vay phát sinh	13.620.937.000	-
Số tiền vay đã trả	(425.374.998)	(8.559.290.360)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(28.926.800.008)	(29.315.731.081)
Tăng do chuyển công ty con thành công ty liên kết	-	4.144.250.000
Số cuối năm	74.620.101.187	90.351.339.193

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.423.199.625	6.452.772.716	681.953.000	10.557.925.341
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.142.507.617	32.574.421.615	767.519.109	37.484.448.341
Tăng khác	201.000.000	-	-	201.000.000
Chi quỹ trong năm	(4.105.350.000)	(13.172.527.777)	(780.722.109)	(18.058.599.886)
Số cuối năm	3.661.357.242	25.854.666.554	668.750.000	30.184.773.796

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	46.936.196.938	121.628.021.537	21.970.635.305	340.517.433.780
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ (từ nguồn lợi nhuận năm 2018)	-	-	(5.507.877.217)	-	(5.507.877.217)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	450.885.780	(1.016.771.561)	(418.263.403)	(984.149.184)
Công ty liên kết sử dụng lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(251.857.248)	-	(251.857.248)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	(29.996.516.000)	(2.550.000.000)	(32.546.516.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	65.260.207.279	3.332.634.029	68.592.841.308
Tạm trích lập các quỹ tại Công ty mẹ từ lợi nhuận 2019	-	6.402.717.095	(22.309.045.095)	-	(15.906.328.000)
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	5.525.753.925	5.525.753.925
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	53.789.799.813	127.806.161.695	27.860.759.856	359.439.301.364
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	72.542.078.737	5.517.664.030	78.059.742.767
Tăng vốn từ lợi nhuận	29.990.190.000	-	(29.990.190.000)	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	19.937.430.000	(19.937.430.000)	-	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(39.982.040.000)	(3.137.359.147)	(43.119.399.147)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019 tại Công ty mẹ	-	-	(14.852.075.186)	-	(14.852.075.186)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay tại Công ty mẹ	-	6.971.046.185	(27.990.681.183)	-	(21.019.634.998)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại các công ty con	-	68.444.490	- (154.111.226)	(82.307.255)	(167.973.991)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay tại các công ty con	-	526.108.957	(1.335.411.869)	(635.461.254)	(1.444.764.166)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(109.672.870)	109.672.870	-
Số dư cuối năm nay	199.910.200.000	41.417.969.445	85.934.058.098	29.632.969.100	356.895.196.643

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	61.482.580.000
Cộng	199.910.200.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	59,01%	117.970.500.000	-
Các cổ đông khác	81.939.700.000	40,99%	81.939.700.000	-
Cộng	199.910.200.000	100,00%	199.910.200.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận**Tại Công ty mẹ**

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	: 29.990.190.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông (bằng tiền 20% Vốn điều lệ)	: 39.982.040.000
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	: 14.852.075.186
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 6.971.046.185
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 20.550.884.998
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 468.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 10 tháng 3 năm 2020 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Chia cổ tức cho các cổ đông (bằng tiền 15% Vốn điều lệ)	: 6.000.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 914.972.100
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 914.972.100
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 200.000.000

Trong năm, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 08/NQ/HĐQT/2020 ngày 11 tháng 3 năm 2020 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 134.204.883
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng (5%)	: 2.102.441
• Trích quỹ phúc lợi	: 67.102.441
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 974.869.953
• Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (5%)	: 67.102.441
• Chi thù lao Ban điều hành	: 31.666.668
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 329.792.066

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 216.348,28 USD (số đầu năm là 193.523,83 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.866.615.661	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	766.854.880.110	701.656.997.913
Cộng	<u>768.721.495.771</u>	<u>701.656.997.913</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	263.671.532.094	267.789.191.180
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.323.037.237	1.029.363.636
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.166.770.856	9.310.830.001
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	10.000.000	3.750.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	918.404.971	236.441.500
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	-	600.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	130.300.000	360.436.364
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	323.631.818	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	34.528.339.995	11.992.144.544
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Trung	8.500.000	8.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	2.218.182	-
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.760.428.272	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	599.455.455.072	548.740.483.278
Cộng	601.215.883.344	548.740.483.278
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.342.682.226	7.896.554.316
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	115.672.421	1.997.473
Cộng	8.458.354.647	7.898.551.789
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.311.698.050	9.616.849.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	109.210.367	21.962.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.010.662	7.968.592
Cộng	7.429.919.079	9.646.779.697
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.705.557.160	1.988.295.399
Các chi phí khác	4.935.830.809	6.923.733.958
Cộng	10.641.387.969	8.912.029.357

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.212.740.154	15.174.898.051
Chi phí vật liệu quản lý	658.192.454	832.527.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.810.865.066	1.604.266.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.264.092.363	1.526.794.662
Thuế, phí và lệ phí	150.900.857	66.959.111
Dự phòng phải thu khó đòi	873.781.006	1.681.342.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.064.000.126	4.020.907.266
Các chi phí khác	30.592.711.220	29.701.679.020
Cộng	57.627.283.246	54.609.373.735

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.829.034	963.199.749
Thu nhập từ tiền bồi thường	235.647.813	314.867.398
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	217.417.687	357.514.077
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	191.557.326
Thu nhập khác	178.988.921	142.240.236
Cộng	659.883.455	1.969.378.786

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tổn thất	1.029.457.846	618.887.117
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	276.034.626	451.871.851
Thuế bị phạt, bị truy thu	50.463.107	56.244.774
Chi phí khác	376.631.911	484.222.536
Cộng	1.732.587.490	1.611.226.278

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(666.384.066)	(903.249.698)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	903.249.698	1.068.702.955
Cộng	236.865.632	165.453.257

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.542.078.737	65.260.207.279
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	(21.828.937.908)	(31.409.955.703)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.713.140.829	33.850.251.576
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.537	1.693

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.998.258	14.998.258
Ảnh hưởng của 2.999.651 cổ phiếu phát hành tháng 2/2020 để trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 100:20)	2.999.651	2.999.651
Ảnh hưởng của 1.994.768 cổ phiếu phát hành tháng 2/2020 để tăng vốn cổ phần từ nguồn quỹ Đầu tư phát triển (tỷ lệ 1000:133)	1.994.768	1.994.768
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.992.677	19.992.677

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.440 VND xuống còn 1.693 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.487.938.698	73.005.147.944
Chi phí nhân công	184.521.266.368	163.379.989.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.668.199.898	73.719.530.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.051.441.560	255.152.448.897
Chi phí khác	56.995.279.763	47.004.769.462
Cộng	667.724.126.287	612.261.886.370

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.919.380.974	1.830.317.558
Tiền thưởng	1.830.619.026	2.025.306.442
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	460.000.000	516.000.000
Cộng	4.210.000.000	4.371.624.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Vũng Tàu

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và công ty con còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	18.834.690.466	19.512.571.586
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	21.600.000.000	17.280.000.000
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	374.400.000	506.400.000
Công ty mẹ cung cấp điện, nước, khám sức khỏe	4.117.232.086	3.056.032.725
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	23.594.100.000	17.700.000.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	18.394.536.390	12.295.091.986
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	1.832.289.726
Công ty CP Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	4.471.905.800	4.085.772.600
Mua phần mềm	2.552.109.506	4.862.700.130
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	2.240.000	22.100.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	352.213.290	356.459.400
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.195.710.500	1.901.355.287
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.846.692.362	3.107.052.634
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	227.849.090	288.995.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.427.265.500	1.064.550.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	89.304.000	106.780.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	-	8.743.879.663
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	28.357.272	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	331.854.000	328.459.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	2.901.172.727	2.703.368.182
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	486.820.503	3.645.234.327
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng	5.995.994	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.622.819.673	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Trần Quang Thảo

Handwritten text in Vietnamese, likely a header or introductory paragraph, including names and dates.

Main body of handwritten text in Vietnamese, consisting of several paragraphs.

Handwritten text at the bottom of the main body, possibly a signature or date.

